TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**19**/2018/HS-ST
Ngày: 21 – 6 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hoàng Huy

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

T – sinh 1992, tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C (đã chết) và bà Ch; chồng M; con 01 người; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị **H**, sinh năm 1983
Nơi cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 26/02/2018 T thuê chị H chở Trang bằng xe mô tô 02 bánh đến Công an huyện U Minh làm Giấy chứng minh nhân dân. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày chị H chở T về đến ấp 5, Khánh Lâm chị H dừng xe vào tiệm điện thoại để sửa điện thoại còn T đứng cạnh xe chờ. Do thấy chị H có mang theo chiếc bóp (ví), trong bóp có tiền nhưng H để trong cốp xe nên T nảy sinh ý định lấy cắp. Quan sát thấy vắng người, T dùng tay trái kéo yên xe lên, tay phải luồn vào cốp xe lấy được bóp đem ra; mở bóp lấy sắp tiền bỏ vào túi áo khoác rồi bỏ lại bóp vào trong cốp xe. Lúc sau chị H quay ra chở T về, đến nhà T cất giấu tiền, đến tối T đếm được 42 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000đ/tờ, tổng cộng 21.000.000đ. Đối với chị H về nhà lấy bóp ra phát hiện tiền bị mất đến hỏi T nhưng T không thừa nhận có lấy cắp nên chị H trình báo. Tại cơ quan Công an Trang thừa nhận có lấy cắp tiền của chị H và giao nộp lại 21.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố bị cáo T về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51; khoản 1 và 2 Điều 65 – Bộ luật hình sự xử phạt T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiền gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận hành vi của bị cáo thực hiện việc trộm cắp tiền của chị H vào buổi chiều ngày 26/02/2018 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không oan – sai.

Bị cáo khai nhận: Thấy chị H để chiếc bóp (ví) trong cốp xe, trong bóp có tiền; khi chị H dừng xe lại vào tiệm sửa chữa điện thoại nhưng không mang bóp theo nên bị cáo nảy sinh ý định lấy tiền của chị H. Bị cáo đã di chuyển xe khỏi nơi chị H dừng khoảng vài đề xi mét để khuất tầm nhìn của chị H. Quan sát thấy vắng người, bị cáo dùng tay trái nắm yên xe kéo cho hở ra, tay phải luồn vào cốp xe lấy chiếc

bóp ra. Lấy được bóp ra ngoài bị cáo mở bóp lấy sắp tiền bỏ vào túi áo khoác đang mặt và bỏ chiếc bóp vào lại trong cốp xe. Số tiền bị cáo lấy được về nhà bị cáo đếm được 21.000.000đ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản xác minh hiện trường, phù hợp với vật chứng thu được. Có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã lén lút lấy cắp của chị H 21.000.000đ và chỉ mình bị cáo thực hiện. Hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản đã vi phạm pháp luật hình sự, theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi vi phạm này đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 – Bộ luật hình sự đúng cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Xét tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nguyên nhân phạm tội là do tính tham lam, muốn lấy tài sản của người khác làm của mình, muốn có được tài sản mà không tốn kém công sức lao động. Động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền tiêu xài. Song có xem xét khi bị phát hiện bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã giao nộp lại toàn bộ số tiền lấy cắp được để trả cho bị hại nên thiệt hại đã được khắc phục xong; điều này chứng minh là bị cáo đã ăn năn hối cải. Nhân thân bị cáo tốt, có nơi cư trú rỏ ràng; bản thân bị cáo là nữ, người dân tộc Khmer; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo. Từ những tình tiết giãm nhẹ trên, xét thấy cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo. Việc cho bị cáo hưỡng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Điều này đã mang tính tuyên truyền giáo dục cho những người đã phạm tội biết ăn năn hối cải, biết khắc phục hậu của tội lỗi gây ra sẽ được giãm nhẹ khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt 21.000.000đ, bị cáo đã giao trả lại bị hại, bị hại đã nhận đủ không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Người bị kết án phải chịu án phí theo quy định của Tòa án; tại điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 quy định: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do đó bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 - Bộ luật hình sự.

Tuyên xử: Bị cáo T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Tuyên phạt: Bị cáo T 09(chín) tháng tù nhưng cho T hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; thời hạn thử thách kể từ ngày 21 – 6 – 2018.

Giao T về cho Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện U Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra CA. U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn